

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hội
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Bộ
Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-
CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và
quản lý hội;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2785/TTr-SNV ngày 08
tháng 11 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2024.

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ tại mục I, phần I Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44 Mục 9, Phụ lục I công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 149, 150, 151, 152, 154, 155, 156 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp tỉnh vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp huyện vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.
2	Thủ tục thành lập hội	60 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	45 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	
4	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	60 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	
5	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.	60 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	
6	Thủ tục hội tự giải thể.	45 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện	30 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.
8	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	30 ngày	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)	không	

II. Thủ tục hành chính cấp huyện

1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	30 ngày	UBND cấp huyện	không	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.
2	Thủ tục thành lập hội.	60 ngày	UBND cấp huyện	không	
3	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.	45 ngày	UBND cấp huyện	không	
4	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	60 ngày	UBND cấp huyện	không	
5	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.	60 ngày	UBND cấp huyện	không	
6	Thủ tục hội tự giải thể.	45 ngày	UBND cấp huyện	không	
7	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	30 ngày	UBND cấp huyện	không	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.003503.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.	Quản lý nhà nước về hội	UBND tỉnh (Sở Nội vụ)
2	2.001481.000.00.00.H01	Thủ tục thành lập hội.			
3	2.001688.000.00.00.H01	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.			
4	2.001678.000.00.00.H01	Thủ tục đổi tên hội.			
5	1.003918.000.00.00.H01	Thủ tục hội tự giải thể.			
6	1.003900.000.00.00.H01	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội			
7	1.003960.000.00.00.H01	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội			
8	1.003858.000.00.00.H01	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện			
II. Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	1.003841.000.00.00.H01	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.	Quản lý nhà nước về hội	UBND cấp huyện
2	1.003827.000.00.00.H01	Thủ tục thành lập hội.			
3	1.003783.000.00.00.H01	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.			
4	1.003757.000.00.00.H01	Thủ tục đổi tên hội.			

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
5	1.003732.000.00.00.H01	Thủ tục hội tự giải thể.	- Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.	Quản lý nhà nước về hội	UBND cấp huyện
6	2.002100.000.00.00.H01	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.			
7	1.003807.000.00.00.H01	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội.			